

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-4-2021
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 951/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Khu phố 1A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Lầy L, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: Khu phố 1A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

(Bà T, ông L vắng mặt; bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc T và ông Phạm Ngọc Lầy L kết hôn với nhau từ năm 2017, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông Phạm Ngọc Lầy L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 18/8/2018. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

Bị đơn ông Phạm Ngọc Lầy L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông L không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo biên bản xác minh đề ngày 01/12/2020 được thực hiện tại nơi cư trú của bà T, ông L, thể hiện: Ông L, bà T sống tại địa phương. Quá trình chung sống ông bà thường xảy ra bất hòa, thậm chí xô xát. Hiện ông bà đã không còn chung sống với nhau.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T khởi kiện bị đơn ông Phạm Ngọc Lầy L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn ông Phạm Ngọc Lầy L có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc Lầy L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Ngọc T và ông Phạm Ngọc Lầy L kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của bà T, đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí xô xát. Đến nay đã không còn sống chung. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông Phạm Ngọc Lầy L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ nhưng ông L không đến. Điều này cho thấy rằng ông L đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, cho ly hôn giữa bà T và ông L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 18/8/2018. Xét cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, đồng thời cháu đang sống với bà T. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án ông L không có ý kiến gì về người trực tiếp nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Do đó việc giao con chung cho bà Tuyết tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.3] Tòa án đã giải thích pháp luật về việc người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà T vẫn không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Ngọc T, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Phạm Ngọc Lầy L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Phạm Ngọc Lầy L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 18/8/2018 cho bà Trần Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục... Tạm thời ông L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ông Phạm Ngọc Lầy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết bà T, ông L được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con...

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0048305 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS TX. Bến Cát;
- UBND phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; (số 167; ngày 27/11/2017)
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga